

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯNG HÀ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 71/2020/HNGĐ- ST
Ngày: 04- 12- 2020
V/v tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Bể
2. Bà Vũ Thị Khánh Hòa

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Trường- Thư ký TAND huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Lâm - Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 201/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2020/QĐXX-ST ngày 22 tháng 10 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2020/QĐST- HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn B, xã Ng, huyện Đ, tỉnh Thái Bình

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Duy Ph, sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình.

(Tại phiên tòa có mặt chị T; anh Ph vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Phạm Thị T trình bày:

Chị kết hôn tự nguyện với anh Nguyễn Duy Ph và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hòa, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình vào ngày 23/01/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2017 thì

vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng; thời gian gần đây vợ chồng không tìm được tiếng nói chung và thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 5/2020 cho đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin ly hôn anh Ph.

Chị và anh Ph có 02 con chung là Nguyễn Duy Anh Q, sinh ngày 19/8/2013 và Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 19/11/2017. Hiện nay hai con vẫn đang ở với chị. Sau khi ly hôn, do điều kiện kinh tế còn khó khăn nên chị xin trực tiếp nuôi dưỡng con Trà M còn anh Ph nuôi con Anh Q. Hai bên không phải góp cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Bị đơn là anh Nguyễn Duy Ph trong biên bản lấy khai, biên bản hòa giải đã xác nhận về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn đúng như chị T trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận tại thành phố Thái Bình. Khoảng hơn 01 năm nay thì vợ chồng về sinh sống cùng với bố mẹ đẻ chị T ở xã Nguyên Xá, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Vợ chồng hòa thuận không có mâu thuẫn gì lớn, thỉnh thoảng cãi nhau nhỏ nhặt trong gia đình. Đến tháng 02/2020 anh chuyển lên Hà Nội làm một thời gian thì chị T đòi ly hôn. Anh đã đọc được tin nhắn chị T nhắn tin tình cảm với một người đàn ông khác và đã nói chuyện với chị T cùng bố mẹ đẻ chị T. Sau đó chị T không ly hôn nữa, vợ chồng hòa thuận bình thường. Đến tháng 6/2020 chị T lại đòi làm đơn ly hôn và vợ chồng cũng ly thân từ đó; anh về ở tại thôn Me, xã Tân Hòa, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Nay chị T xin ly hôn, anh không đồng ý ly hôn và mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Anh và chị T có 02 con chung đúng như chị T đã trình bày. Trường hợp phải ly hôn với chị T, anh không muốn tách hai con và xin nuôi cả hai con chung. Nếu chị T muốn nuôi cả hai con thì anh cũng đồng ý.

Về tài sản: Anh Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt bị đơn.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; về quan hệ hôn nhân cần xử cho chị T được ly hôn anh Ph; về quan hệ con chung cần xử giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là

Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 19/11/2017; giao cho anh Ph trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Duy Anh Q, sinh ngày 19/8/2013. Chị T và anh Ph không phải góp cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau; về quan hệ tài sản không đặt ra giải quyết. Chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Duy Ph đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Duy Ph xây dựng trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, quá trình chung sống vợ chồng cho đến nay đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 6/2020 cho đến nay. Chị T cương quyết xin ly hôn anh Ph còn anh Ph mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Tòa án cũng dành thời gian để chị T, anh Ph suy nghĩ về đoàn tụ nhưng cả hai bên vẫn không có giải pháp nào để đoàn tụ vợ chồng. Xét mâu thuẫn giữa chị T và anh Ph đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cần xử cho chị T được ly hôn anh Ph là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về nuôi dưỡng con chung: Xét nguyện vọng xin được nuôi dưỡng con chung của chị T, anh Ph đều chính đáng và cả hai bên đều có điều kiện nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, để đảm bảo điều kiện tốt nhất trong việc nuôi dưỡng con chung, cần giao cho mỗi bên trực nuôi dưỡng một con như yêu cầu của chị T là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ tài sản: Chị T và anh Ph đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị T được ly hôn anh Nguyễn Duy Ph.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 19/11/2017; giao cho anh Nguyễn Duy Ph trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Duy Anh Q, sinh ngày 19/8/2013. Chị T và anh Ph không phải góp cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006088 ngày 05/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình thành tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Duy Ph có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hưng Hà,
- Các đương sự,
- Chi cục THA dân sự H.Hưng Hà,
- UBND xã Tân Hòa, H. Hưng Hà,
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thế Hùng